TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ C** Số: **52**/2022/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *B, ngày 15 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2006 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2022, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án *"Tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở"* thụ lý số 151/TLST-DS ngày 19/7/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh K**; địa chỉ: Số 90 đường Nguyễn Tri Phương, phường An K, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C,** sinh năm 1968; ĐCTT: LK5-65, khu vực Bình Th, phường L, quận B, thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Hữu Th1**, sinh năm: 1930; Địa chỉ: Số 90 đường Nguyễn Tri Phương, phường An K, quận N, thành phố C.

2/ Bà **Nguyễn Thị Thanh Ng**, sinh năm: 1965; Địa chỉ liên lạc: Số 206/46 đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận N, thành phố C.

3/ Ông **Nguyễn Thanh Th2**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 206/154 đường Trần

Phú, phường Cái Khế, quận N, thành phố C.

4/ Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: 206/148A đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận N, thành phố C.

5/ Bà **Nguyễn Thị Thanh Th3**, sinh năm: 1980; Địa chỉ: 206/152 đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận N, thành phố C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Phần tài sản chung của ông Nguyễn Hữu Th1 và bà Nguyễn Thị Ch gồm:

+ Thửa số 957 có diện tích 90m^2, tờ bản đồ số 12 thuộc Giấy CNQSDĐ số BV 956277, số vào sổ cấp GCN CH11717 do UBND quận N cấp ngày 24/11/2014 đứng tên ông Nguyễn Hữu Th1 và căn nhà cấp 3 trên đất.

+ Thửa đất số 956, diện tích 52,25m^2 tờ bản đồ số 12, thuộc Giấy CNQSDĐ số AM 250312, số vào sổ cấp GCN H01419.QSDĐ do UBND quận N cấp ngày 20/2/2008 đứng tên Nguyễn Hữu Th1 và căn nhà cấp 4 nằm trên đất.

Tổng giá trị các tài sản trên: 11.466.373.250 đồng. Phần tài sản riêng của ông Thành là 5.733.186.625 đồng. Phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ch là 5.733.186.625 đồng, được chia làm 07 phần, mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 819.026.660 đồng.

[2.2] Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thanh Ng, Nguyễn Thanh Th2, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Thanh Th3, Nguyễn Thanh K đồng ý nhượng quyền hưởng di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ch cho ông Nguyễn Hữu Th1.

[2.3] Ông Nguyễn Hữu Th1 và ông Nguyễn Văn C thống nhất: Ông Th trả cho ông Nguyễn Văn C 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) giá trị một kỷ phần thừa kế để được toàn quyền sử dụng, sở hữu các tài sản được liệt kê tại mục [2.1].

[2.4] Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Số tiền 16.530.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu. Đương sự đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Hữu Th1 phải chịu 59.233.187 đồng án phí nhưng được miễn do thuộc diện người cao tuổi.

+ Bị đơn Nguyễn Văn C phải chịu 21.000.000 đồng án phí (do được hưởng kỷ phần thừa kế, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

+ Ông Nguyễn Thanh K được nhận lại 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002607 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

Đương sự có quyền tự liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh, sang tên Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. B;
- TAND TPCT;
- Chi cục THADS Q. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thúy Quyên